**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CAO HỌC**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CAO HỌC ĐỢT 2 NĂM 2015**
**CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT XDDD&CN**

Phòng thi: 801A **- 182 Nguyễn Văn Linh**

| STT | SỐ BÁO DANH | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | NƠI SINH | SỐ TỜ | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4001 | NGUYỄN XUÂN | **CHỦNG** | 27/3/1981 | BẮC NINH | | | |
| 2 | 4002 | HUỲNH NGỌC | **DŨNG** | 12/5/1979 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 3 | 4003 | LÊ CÔNG | **HẢI** | 20/1/1984 | QUẢNG BÌNH | | | |
| 4 | 4004 | NGUYỄN TRUNG | **HIẾU** | 17/5/1976 | HÀ TĨNH | | | |
| 5 | 4005 | LƯU VĂN | **HÒA** | 4/4/1981 | QUẢNG NAM | | | |
| 6 | 4006 | NGUYỄN XUÂN | **HOÀNG** | 5/5/1982 | QUẢNG NAM | | | |
| 7 | 4007 | TRẦN DUY | **KHÁNH** | 26/6/1983 | QUẢNG BÌNH | | | |
| 8 | 4009 | LÂM XUÂN | **LĨNH** | 9/9/1990 | QUẢNG NAM | | | |
| 9 | 4010 | ĐÀO ĐỨC | **MÃNH** | 31/7/1991 | QUẢNG BÌNH | | | |
| 10 | 4011 | NGUYỄN HỮU | **MINH** | 19/11/1970 | QUẢNG BÌNH | | | |
| 11 | 4012 | CHÂU MINH | **NGHĨA** | 1/8/1988 | QUẢNG NAM | | | |
| 12 | 4013 | NGUYỄN DUY | **NHẬT** | 26/7/1992 | QUẢNG NGÃI | | | |
| 13 | 4014 | LƯƠNG TRẦN MINH | **QUÂN** | 22/4/1979 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 14 | 4015 | TRÀ VĂN | **QUANG** | 14/4/1973 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 15 | 4016 | NGUYỄN CÔNG | **TÀI** | 5/1/1980 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 16 | 4017 | NGUYỄN CÔNG | **THÀNH** | 4/10/1972 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 17 | 4018 | NGUYỄN VĂN | **TIỀN** | 2/12/1987 | BÌNH ĐỊNH | | | |
| 18 | 4019 | LÊ THANH | **TOÀN** | 9/5/1987 | ĐÀ NẴNG | | | |
| 19 | 4020 | BÙI NGỌC | **VINH** | 17/10/1990 | QUẢNG NAM | | | |
| | | | | | | | | |